TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LONG BIÊN** THÀNH PHỐ HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **370**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18/8/2023
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Chị Nguyễn Hoàng Thùy Dương Ngọc Anh

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Bùi Văn Bình
2. Chị Nguyễn Thị Cúc

- Thư ký phiên toà: Ông Lưu Tuấn Long - Thư ký Tòa án nhân dân quận Long Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên toà: Ông Vũ Trường Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 18/8/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Long Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 143/2023/TLST-HNGĐ ngày 12/5/2023, về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/7/2023, Quyết định hoãn phiên toà số 52/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31/7/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Chị Lê Thị Thu H**, sinh năm
- *Bị đơn:* **Anh Nguyễn Ngọc N**, sinh năm

Cùng địa chỉ: phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, TP. Hà Nội.

(Có mặt chị H, vắng mặt anh N)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 27/4/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lê Thị Thu H trình chịy:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và tìm hiểu, yêu nhau và đăng ký kết hôn ngày 02/3/2006 tại UBND phường Ngọc Thuỵ, quận Long Biên, Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do anh N không chịu làm ăn, chơi bời phá tán tài sản, không chăm lo vợ con, thậm chí khi anh N yêu cầu tôi vay mượn tiền để cho anh N đi trả nợ nhưng tôi không vay mượn được thì anh N đánh đập tôi. Tháng 5/2022 thì anh N vào

trong tỉnh Bình Dương để sinh sống, làm ăn, thời gian đầu thì thỉnh thoảng có về thăm nhà nhưng khoảng 02 năm nay không về qua nhà nữa, giữa tôi và anh N vẫn liên lạc với nhau qua điện thoại để trao đổi những vấn đề chung của con cái nhưng anh N tuyệt đối không cho tôi biết địa chỉ anh ấy hiện ở đâu. Tháng 9/2022 tôi đã nộp đơn xin ly hôn anh N tại Toà án nhân dân quận Long Biên, thời gian này anh N vẫn nghe điện thoại của Toà án nhưng nói là ở Bình Dương nên Toà án có khuyên tôi rút đơn về để khởi kiện ở nơi anh N tạm trú. Tháng 02/2023 tôi nộp đơn tại Toà án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo thông tin tạm trú của anh N, sau khi Toà án thụ lý có đi xác minh thì xác định được anh N đã không còn ở nơi đăng ký tạm trú 02 năm trước khi Toà án thụ lý, nên tôi lại khởi kiện ở Toà án nhân dân quận Long Biên là nơi anh N đăng ký hộ khẩu thường trú.

Đến nay tôi xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh N, thực lòng tôi muong muốn chấm dứt cuộc hôn nhân này để giải phóng cho cả đôi bên và cũng là tạo cho các con một môi trường sống lành mạnh, không bị ảnh hưởng bởi những người là chủ nợ của anh N đến đòi nợ và uy hiếp tôi và các con. Vì vậy, tôi tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc N càng sớm càng tốt.

Nay tôi xác định không còn tình cảm, đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc N để mỗi người sớm ổn định cuộc sống của mình.

- Về con chung: chúng tôi có hai con chung là Nguyễn Ngọc Đ (sinh 2007) và Nguyễn Thảo M (sinh 2010). Trường hợp Toà án xử cho tôi được ly hôn, thì tôi xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Ngọc N đã được Toà án thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhưng không giao nộp văn bản ý kiến, bản tự khai, cũng không đến Toà làm việc theo lịch đã được thông báo.

Tại phiên toà,

- Chị Vũ Thị Nguyệt giữ nguyên ý kiến như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên phát biểu:

+ Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng, đảm bảo quy định của pháp luật trong tất cả các quá trình từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa; về phía các đương sự: Nguyên đơn chấp hành, Bị đơn không chấp hành nghĩa vụ tố tụng của đương sự.

+ Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 28 Khoản 1 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326 của UBTVQH, quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thu H, cho chị H được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc N; giao cả hai con chung chị chị H trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh N đến khi chị H yêu cầu hoặc khi có thay đổi khác; tài sản chung không xem xét; chị H có nghĩa vụ nộp án phí DSST không giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tống đạt trực tiếp văn bản tố tụng cho Bị đơn là anh Nguyễn Ngọc N nhưng không thành, qua xác minh được biết anh N vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 31, phường Ngọc Thuỵ, quận Long Biên,Hà Nội, hiện anh N đã không còn sinh sống tại nơi đăng ký nhân khẩu thường trú, không thông báo với chị H và cũng không khai báo với cơ quan có thẩm quyền về nơi ở mới. Trong thời gian vẫn đang tồn tại quan hệ hôn nhân, anh N không còn ở tại địa chỉ nơi vợ chồng đang chung sống nhưng không thông báo cho chị H biết nơi ở hiện tại của mình là thuộc trường hợp "cố tình giấu địa chỉ", Tòa án nhân dân quận Long Biên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 192, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do việc tống đạt trực tiếp không thực hiện được, Tòa án đã tiến hành niêm yết văn bản tố tụng theo quy định tại các Điều 173 và 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tống đạt các văn bản tố tụng cho anh N là hợp lệ, anh N vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh N vẫn vắng mặt. Căn cứ Khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thu H:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Ngọc N và chị Lê Thị Thu H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 39, ngày 02/3/2006 tại UBND phường Ngọc Thuỵ, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, đây là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào lời khai của chị H cùng các tài liệu Tòa án xác minh được có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định giữa anh Nguyễn Ngọc N và chị Lê Thị Thu H có mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người ở

một nơi không còn quan tâm đến nhau. Việc anh N cố tình giấu địa chỉ đối với chị H đã thể hiện không thiện chí khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh N là có thật và đã thật sự trầm trọng, cả hai bên đều không thực hiện các nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có đủ căn cứ để chấp nhận đơn khởi kiện của chị H, cho chị H được ly hôn với anh N là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về con chung*: căn cứ hồ sơ vụ án thì chị Lê Thị Thu H và anh Nguyễn Ngọc N có hai con chung là Nguyễn Ngọc Đ (sinh 2007) và Nguyễn Thảo M (sinh 2010).

Xét yêu cầu xin được trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của Nguyên đơn, HĐXX thấy: anh N hiện đang không rõ địa chỉ cư trú, không chứng minh được khả năng, điều kiện nuôi con; mặt khác từ khi anh chị sống ly thân thì cả hai con chung đều do chị Hà trực tiếp nuôi dưỡng, các cháu phát triển bình thường cả về thể chất lẫn tinh thần. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con chung sau khi ly hôn, Tòa án đã tiến hành tham khảo nguyện vọng, tại văn bản ý kiến đã thể hiện các cháu đều có nguyện vọng muốn được ở với mẹ. Vì vậy, giao cả hai con chung cho chị Hà trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Nguyễn Ngọc N do chị Lê Thị Thu H không yêu cầu.

- *Về tài sản chung:* Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết, vì vậy Toà án không xem xét.

[3] Về án phí, quyền kháng cáo:

- Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

- Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 227 và các Điều 228, 266, 273, 275 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56 và các điều 57, 81, 82, 83, 88 và 118 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2015/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị Thu H:

Chị Lê Thị Thu H được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc N.

2. Về con chung:

Chị Lê Thị Thu H và anh Nguyễn Ngọc N có hai con chung là Nguyễn Ngọc Đ (sinh 2007) và Nguyễn Thảo M (sinh 2010).

Giao cả hai con chung cho chị Lê Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh N cho đến khi chị H yêu cầu hoặc khi có sự thay đổi khác.

Anh Nguyễn Ngọc N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết;

4. Về án phí: Chị Lê Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0065862 ngày 11/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Long Biên. Chị H đã nộp đủ án phí.

5. Chị Lê Thị Thu H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Ngọc N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận :
- TAND Tp. Hà Nội;
- VKS Q. Long Biên,
- VKS Tp. Hà Nội;
- Chi cục THADS Q. Long Biên;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

Nguyễn Hoàng Thùy Dương Ngọc Anh